

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung Học Phổ Thông Phú Hòa

Mã đơn vị: 1038764

Loại hình đơn vị: Khối THPT

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						117.842						
4	Tài sản cố định khác						117.842						
	Máy điều hòa không khí	Cái	1	LG K18CH			17.809						
	Máy điều hòa không khí	Cái	1	LG K18CH			17.809						
	Máy điều hòa không khí	Cái	1	LG K18CH			17.809						
	Máy điều hòa không khí	Cái	1	LG K18CH			17.809						
	Máy điều hòa không khí	Cái	1	LG K18CH			17.809						
	Máy vi tính	Cái	1	Intel Core i5-11400	Việt Nam	2023	13.903						
	MVT-VP	Cái	1	Intel Core i5-11400	Việt Nam	2023	14.894						
II	Tài sản giao mới						101.898						
4	Tài sản cố định khác						101.898						
	Loa tích hợp	Cái	1				42.333						
	Tivi Samsung	Cái	1	Samsung			19.855						
	Tivi Samsung	Cái	1	Samsung			19.855						



Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tivi Samsung	Cái	1	Samsung			19.855						
	Tổng cộng						219.740						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Kim Luyến

Nguyễn Thị Kim Luyến

Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hữu Thọ



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung Học Phổ Thông Phú Hòa

Mã đơn vị: 1038764

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất trường học tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi	19.052,70	15.052.000		19.052,70																
2	Khối hành chính tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	1.172,00	2.636.550			1.172,00						
3	Khối Phòng bộ môn (Khu mới -Khối N) tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2021	2.228,00	19.277.214	18.506.125		2.228,00						
4	Khối phòng học tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	3.621,00	8.146.575			3.621,00						
5	Khối thực hành tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	1.552,00	3.492.720			1.552,00						
6	Nhà bảo vệ tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	9,00	22.950			9,00						



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
7	Nhà công vụ tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2008	80,00	124.000	1.203		80,00						
8	Nhà đa năng (Khu mới -KHỎI O) tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2021	71,00	616.013	591.372		71,00						
9	Nhà tập thể dục thể thao tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	578,00	1.300.500			578,00						
10	Nhà xe giáo viên tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	70,00	84.000			70,00						
11	Nhà xe học sinh 1 tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2003	180,00	216.000					180,00				
12	Nhà xe học sinh 2 tại Số 25, Huỳnh Thị băng, Ấp Phú Lợi									2006	198,00	237.600					198,00				
	Tổng cộng:	19.052,70	15.052.000		19.052,70						9.759,00	36.154.122	19.098.700		9.381,00		378,00				

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Kim Luyến

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phó hiệu trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Võ Nhật Thành

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung Học Phổ Thông Phú Hòa

Mã đơn vị: 1038764

Loại hình đơn vị: Khôi sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		339	7.159.464	6.911.125	248.340	3.216.544							
	Năm 2003		1	1.093.650	1.093.650									
1	Đường nội bộ, sân trường, sân TDĐT	Trường THPT Phú Hòa	1	1.093.650	1.093.650									
	Năm 2004		10	266.950	266.950									
1	Amplify học sinh+tổ hợp tại nghe+cáp nối	Phòng Lab	1	105.600	105.600									
2	Bàn họp oval 60 chỗ ngồi	Phòng Hội Đồng	1	12.000	12.000									
3	Cassette giáo viên TR 503	Phòng Lab	1	9.350	9.350									
4	Hệ thống âm thanh	Hội trường	1	9.800	9.800									
5	Máy chiếu Overhead 3M-9800 (USA)	P.Nghe nhìn 1	1	16.500	16.500									
6	Máy in HP Laser Jet 1200	P.Vi tính 3	1	6.000	6.000									
7	Máy in HP Laser Jet 1200	P.Vi tính 1	1	6.000	6.000									
8	Máy in HP Laser Jet 1200	P.Vi tính 2	1	6.000	6.000									
9	Máy slide	P.Nghe nhìn 1	1	17.600	17.600									
10	Teacher Consol CMC 506 + tổ hợp tại nghe	Phòng Lab	1	78.100	78.100									
	Năm 2005		7	82.800	82.800									
1	Máy in Canon LBP 1210	Phòng Hành chính	1	5.500	5.500									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Máy in Canon LBP 2000	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	16.800	16.800									
3	Máy lạnh 2 khối - Funiki 2HP	Phòng Hội Đồng	1	12.500	12.500									
4	Máy lạnh 2 khối - Funiki 2HP	Phòng Hành chính	1	12.500	12.500									
5	Máy lạnh 2 khối - Funiki 2HP	Phòng Giáo vụ học vụ	1	12.500	12.500									
6	Máy lạnh 2 khối - Funiki 2HP	Phòng Hiệu trưởng	1	12.500	12.500									
7	Tivi Sony 25"	P.Nghe nhìn 1	1	10.500	10.500									
	Năm 2006		12	137.730	137.730									
1	Máy lạnh 2 khối Toshiba - 1.5HP	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1	11.700	11.700									
2	Máy lạnh 2 khối Toshiba - 2HP	P.Vi tính 3	1	13.500	13.500									
3	Máy lạnh 2 khối Toshiba - 2HP	P.Nghe nhìn 1	1	13.500	13.500									
4	Máy lạnh 2 khối Toshiba - 2HP	P.Vi tính 3	1	13.500	13.500									
5	Máy lạnh 2 khối Toshiba - 2HP	P.Nghe nhìn 1	1	13.500	13.500									
6	Máy vi tính chủ 2 Server Intel Pentium	P.Vi tính 3	1	12.500	12.500									
7	Máy vi tính trạm 33 Intel Celeron 2.53Ghz	P.Vi tính 3	1	7.125	7.125									
8	Máy vi tính trạm 34 Intel Celeron 2.53Ghz	P.Vi tính 3	1	7.125	7.125									
9	Máy vi tính trạm 35 Intel Celeron 2.53Ghz	P.Vi tính 3	1	7.125	7.125									
10	Máy vi tính trạm 36 Intel Celeron 2.53Ghz	P.Vi tính 3	1	7.125	7.125									
11	Máy vi tính xách tay HP Compaq	Phòng Hành chính	1	25.000	25.000									
12	Tivi Sony 25" M50	Phòng Hội Đồng	1	6.030	6.030									
	Năm 2007		1	25.000	25.000									
1	Máy vi tính xách tay HP Compaq	Phòng Đoàn TN	1	25.000	25.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Năm 2008		6	121.110	121.110									
1	Máy bắn tập MBT-03	Phòng GDQP	1	18.500	18.500									
2	Máy chiếu Projector SanYo XW57	P.Nghe nhìn 2	1	17.850	17.850									
3	Máy thu hình Aver Vision 130	P.Nghe nhìn 2	1	9.800	9.800									
4	Máy vi tính xách tay Sony Vaio	Phòng Giáo vụ học vụ	1	28.980	28.980									
5	Tivi LCD Panasonic 50 PV 80H	P.Nghe nhìn 3	1	22.990	22.990									
6	Tivi LCD Panasonic 50 PV 80H	Hội trường	1	22.990	22.990									
	Năm 2009		4	67.480	67.480									
1	Bàn oval làm việc	Phòng Hiệu trưởng	1	10.600	10.600									
2	Máy lạnh Kendo 1.5 HP	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1	9.800	9.800									
3	Máy lạnh Kendo 2 HP	Phòng Thư viện	1	13.800	13.800									
4	Thiết bị phát thanh học đường	Phòng Giám thị	1	33.280	33.280									
	Năm 2010		3	117.288	117.288									
1	Máy bắn tập MBT-03	Phòng GDQP	1	18.500	18.500									
2	Máy photocopy Ricoh 2075	Phòng Hiệu trưởng	1	51.150	51.150									
3	Thiết bị giáo dục quốc phòng	Kho GDQP	1	47.638	47.638									
	Năm 2012		20	180.000	180.000									
1	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
2	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
3	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
4	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
5	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
6	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
8	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
9	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
10	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
11	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
12	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
13	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
14	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
15	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
16	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
17	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
18	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
19	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
20	Máy vi tính Intel G540 _2.50Ghz	P.Vi tính 2	1	9.000	9.000									
	Năm 2013		33	468.060	468.060									
1	Bảng tương tác thông minh có chân đế.	PhòngTiếng anh	1	63.820	63.820									
2	Bảng tương tác thông minh có chân đế.	PhòngTiếng anh	1	63.820	63.820									
3	Máy chiếu cự ly gần	PhòngTiếng anh	1	31.182	31.182									
4	Máy chiếu cự ly gần	PhòngTiếng anh	1	31.182	31.182									
5	Máy chiếu vật thể.	PhòngTiếng anh	1	15.846	15.846									
6	Máy chiếu vật thể.	PhòngTiếng anh	1	15.846	15.846									
7	Máy vi tính chủ 1 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
8	Máy vi tính trạm 1 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Máy vi tính trạm 10 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
10	Máy vi tính trạm 11 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
11	Máy vi tính trạm 12 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
12	Máy vi tính trạm 13 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
13	Máy vi tính trạm 14 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
14	Máy vi tính trạm 15 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
15	Máy vi tính trạm 16 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
16	Máy vi tính trạm 17 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
17	Máy vi tính trạm 18 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
18	Máy vi tính trạm 19 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
19	Máy vi tính trạm 2 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
20	Máy vi tính trạm 20 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
21	Máy vi tính trạm 21 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
22	Máy vi tính trạm 22 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
23	Máy vi tính trạm 23 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
24	Máy vi tính trạm 24 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
25	Máy vi tính trạm 3 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
26	Máy vi tính trạm 4 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
27	Máy vi tính trạm 5 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
28	Máy vi tính trạm 6 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
29	Máy vi tính trạm 7 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
30	Máy vi tính trạm 8 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
31	Máy vi tính trạm 9 Intel G550-2.6GHz	P.Vi tính 1	1	8.640	8.640									
32	Máy vi tính xách tay Acer	Phòng Hiệu trưởng	1	15.182	15.182									
33	Máy vi tính xách tay Acer	Phòng Hiệu trưởng	1	15.182	15.182									
	Năm 2015		3	21.200	21.200									
1	Loa kéo	Hội trường	1	5.200	5.200									
2	Máy in Canon 3300	Phòng Y tế	1	6.300	6.300									
3	Máy vi tính Intel G2030_3.00GHz	Phòng Y tế	1	9.700	9.700									
	Năm 2016		3	116.900	116.900		2.903							
1	Máy chụp ảnh Canon HS	Phòng Hành chính	1	12.900	12.900		2.903							
2	Máy in Canon 3300	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	1	6.500	6.500									
3	Máy photocopy Gestetner - MP2501SP	Phòng Hành chính	1	97.500	97.500									
	Năm 2017		1	59.997	59.997									
1	Thiết bị âm thanh	Hội trường	1	59.997	59.997									
	Năm 2018		1	23.000	23.000		1.725							
1	Máy chiếu	Phòng Hội Đồng	1	23.000	23.000		1.725							



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Năm 2019		11	251.049	251.049		3.870							
1	Máy chiếu Sony VPL - DX271	Phòng Hội Đồng	1	19.349	19.349		3.870							
2	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
3	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
4	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
5	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
6	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
7	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
8	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
9	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
10	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
11	Tivi LG	Phòng Học Sinh	1	23.170	23.170									
	Năm 2020		26	454.688	454.688		100.538							
1	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
2	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
3	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
4	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
5	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
6	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
7	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
8	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
9	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
10	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
11	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
13	Misa	Phòng Kế Toán	1	12.000	12.000		12.000							
14	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
15	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
16	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
17	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
18	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
19	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
20	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
21	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
22	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
23	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
24	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
25	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
26	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
	Năm 2021		1	28.600		28.600	11.440							
1	Máy chiếu EPSON EB - X51	Phòng bộ môn công nghệ	1	28.600		28.600	11.440							
	Năm 2022		185	3.424.222	3.424.222		2.913.599							
1	Cảm biến ghi nhịp cơ tim	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.853	17.853		16.068				x			
2	Bàn Oval 20 chỗ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.629	13.629		12.266				x			
3	Bàn Oval 20 chỗ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.629	13.629		12.266				x			
4	Bảng tương tác thông minh InNO 96ilo	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.750	24.750		22.275				x			



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy tính	P.Vi tính 3	1	10.436	10.436		2.087							
13	Misa	Phòng Kế Toán	1	12.000	12.000		12.000							
14	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
15	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
16	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
17	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
18	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
19	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
20	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
21	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
22	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
23	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
24	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
25	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
26	Tivi samsung	Phòng Học Sinh	1	24.420	24.420		4.884							
	Năm 2021		1	28.600		28.600	11.440							
1	Máy chiếu EPSON EB - X51	Phòng bộ môn công nghệ	1	28.600		28.600	11.440							
	Năm 2022		185	3.424.222	3.424.222		2.913.599							
1	Cảm biến ghi nhịp cơ tim	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.853	17.853		16.068				x			
2	Bàn Oval 20 chỗ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.629	13.629		12.266				x			
3	Bàn Oval 20 chỗ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.629	13.629		12.266				x			
4	Bảng tương tác thông minh InNO 96ilo	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.750	24.750		22.275				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Bảng tương tác thông minh InNO 96ilo	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.750	24.750		22.275				x			
6	Bảng tương tác thông minh InNO 96ilo	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.750	24.750		22.275				x			
7	Biển thể nguồn phòng bộ môn	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.990	16.990		15.291				x			
8	Biển thể nguồn phòng bộ môn	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.990	16.990		15.291				x			
9	Biển thể nguồn phòng bộ môn	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.990	16.990		15.291				x			
10	Bộ các năng lượng tái tạo	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	44.990	44.990		40.491				x			
11	Bộ chuyển đổi tín hiệu và điều khiển thiết bị ngoại vi	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
12	Bộ dụng cụ đo nhịp thở có cảm biến áp suất	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.853	17.853		16.068				x			
13	Cảm biến âm thanh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	21.428	21.428		19.285				x			
14	Cảm biến ánh sáng	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.885	16.885		15.197				x			
15	Cảm biến áp suất	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.856	22.856		20.570				x			
16	Cảm biến chuyển động	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	21.428	21.428		19.285				x			
17	Cảm biến chuyển động quay	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	33.571	33.571		30.214				x			
18	Cảm biến công quang	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.138	17.138		15.424				x			
19	Cảm biến đếm giọt	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	25.850	25.850		23.265				x			
20	Cảm biến đập áp	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	23.705	23.705		21.335				x			
21	Cảm biến độ ẩm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.992	24.992		22.493				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22	Cảm biến độ ẩm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	24.915	24.915		22.424				x			
23	Cảm biến độ dẫn điện	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	14.993	14.993		13.494				x			
24	Cảm biến đo nồng độ Oxy	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	31.493	31.493		28.344				x			
25	Cảm biến dòng điện	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	29.535	29.535		26.582				x			
26	Cảm biến lực	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	21.428	21.428		19.285				x			
27	Cảm biến nhiệt độ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	21.428	21.428		19.285				x			
28	Cảm biến nồng độ CO2	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	46.420	46.420		41.778				x			
29	Cảm biến Ph	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	14.993	14.993		13.494				x			
30	Cảm biến phé dung kế	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	21.428	21.428		19.285				x			
31	Cảm biến phóng đị vật thể	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.885	16.885		15.197				x			
32	Cảm biến quang phổ phân tích	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	20.350	20.350		18.315				x			
33	Cảm biến quang phổ so màu	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	15.697	15.697		14.127				x			
34	Cảm biến từ	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	25.714	25.714		23.142				x			
35	Hệ thống điều khiển GV	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	37.796	37.796		34.016				x			
36	Hộp nối và đầu nối mạng	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	14.454	14.454		13.009				x			
37	Khối điều khiển trung tâm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	19.492	19.492		17.543				x			
38	Kính hiển vi dùng cho GV	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	10.065	10.065		9.059				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
39	Kính hiển vi dùng cho HS	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	10.065	10.065		9.059				x			
40	Màn hình cảm ứng	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	126.500	126.500		113.850				x			
41	Màn hình cảm ứng đa năng	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	126.500	126.500		113.850				x			
42	Màn hình cảm ứng đa năng	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	126.500	126.500		113.850				x			
43	Máy chiếu gần	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
44	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
45	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
46	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
47	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
48	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
49	Máy chiếu gần VIVITEK DX283-ST	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
50	Máy chủ của giáo viên	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	25.410	25.410		20.328				x			
51	Máy chủ của giáo viên	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	25.410	25.410		20.328				x			
52	Máy chủ của giáo viên	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	25.410	25.410		20.328				x			
53	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			
54	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			
55	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
56	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			
57	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			
58	Máy điều hòa	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	17.160	17.160		15.015				x			
59	Máy thu hình vật thể	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
60	Máy thu hình vật thể Smartview SVP-2001X, Công nghệ Smartview	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
61	Máy thu hình vật thể Smartview SVP-2001X, Công nghệ Smartview	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	22.000	22.000		19.800				x			
62	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
63	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
64	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
65	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
66	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
67	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
68	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
69	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
70	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
71	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
72	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
73	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
74	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
75	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
76	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
77	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
78	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
79	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
80	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
81	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
82	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
83	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
84	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
85	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
86	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
87	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
88	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
89	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
90	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
91	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
92	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
93	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
94	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
95	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
96	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
97	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
98	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
99	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
100	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
101	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
102	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
103	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
104	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
105	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
106	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
107	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
108	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
109	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
110	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
111	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
112	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
113	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
114	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
115	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
116	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
117	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
118	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
119	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
120	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
121	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
122	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
123	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
124	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
125	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
126	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
127	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
128	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
129	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
130	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
131	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
132	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
133	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
134	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
135	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
136	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
137	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
138	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
139	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
140	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
141	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
142	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
143	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
144	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
145	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
146	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
147	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
148	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
149	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
150	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
151	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
152	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
153	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
154	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
155	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
156	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

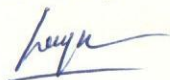
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
157	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
158	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
159	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
160	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
161	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
162	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
163	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
164	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
165	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
166	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
167	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
168	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
169	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
170	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
171	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
172	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
173	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
174	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
175	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
176	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
177	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
178	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
179	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
180	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
181	Máy vi tính học sinh	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	13.167	13.167		10.534				x			
182	Nguồn laser có phim slides quang học	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	16.885	16.885		15.197				x			
183	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	62.810	62.810		56.529				x			
184	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	62.810	62.810		56.529				x			
185	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	KM tầng trệt-Phòng bộ môn lý	1	62.810	62.810		56.529				x			
	Năm 2023		11	219.740		219.740	182.470							
1	Loa tích hợp	Sân khấu trường	1	42.333		42.333	33.866							
2	Máy điều hòa không khí	P.Vi Tính	1	17.809		17.809	15.583		x					x
3	Máy điều hòa không khí	P.Vi Tính	1	17.809		17.809	15.583		x					
4	Máy điều hòa không khí	P.Vi Tính	1	17.809		17.809	15.583		x					
5	Máy điều hòa không khí	P.Vi Tính	1	17.809		17.809	15.583		x					
6	Máy điều hòa không khí	P.Vi Tính	1	17.809		17.809	15.583		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Máy vi tính	Phòng Chi Bộ	1	13.903		13.903	11.122		x					x
8	MVT-VP	Phòng Giáo vụ học vụ	1	14.894		14.894	11.915		x					x
9	Tivi Samsung	Phòng Học Sinh	1	19.855		19.855	15.884							x
10	Tivi Samsung	Phòng Học Sinh	1	19.855		19.855	15.884							x
11	Tivi Samsung	Phòng Học Sinh	1	19.855		19.855	15.884							x
	Tổng cộng				6.911.125	248.340	3.216.544							x

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Kim Luyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hữu Thọ

Bộ, tỉnh:
 Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phú Hòa
 Mã đơn vị: 1038764
 Loại hình đơn vị:

Mẫu số 09d-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
 NĂM 2023 (không phát sinh)**

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
1	Địa chỉ...															
	...															
II	Nhà															
1	Địa chỉ...															
	Nhà 1															
	Nhà...															
2	Địa chỉ...															
	...															
III	Xe ô tô															
1	Xe 1															
2	Xe...															
IV	Tài sản cố định khác															
																

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Kim Luyến

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hữu Thọ

Bộ, tỉnh:
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP.HCM
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phú Hòa
Mã đơn vị: 1038764
Loại hình đơn vị:

Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ .. đến....)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ.... đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Nhà, đất															
	Căn tin, Bãi xe				800 m ²		Hộ Kinh Doanh Huyện Văn Điện	251/HĐ-PH ngày 29/08/2023	01/09/2023 đến 31/05/2024	275.000						
II	Xe ô tô															
	Xe 1															
																
III	Tài sản cố định khác															
	...															

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Kim Luyến

Nguyễn Thị Kim Luyến

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hữu Thọ